

Bộ, tỉnh: Thành phố Đà Nẵng
Cơ quan quản lý cấp trên: Văn phòng Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Đà Nẵng
Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường THPT Cẩm Lệ
Mã đơn vị: 1114188
Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

Mẫu số 09a-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG, MUA SẮM, GIAO, THUÊ TÀI SẢN CÔNG
Năm 2024

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi (nếu có)		Ghi chú
											Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
I	Đầu tư xây dựng, mua sắm						35.552						
4	Tài sản cố định khác						35.552						
	Máy photocopy Toshiba e-Studio 2528A	Chiếc	1	Toshiba Tec	Trung Quốc	2024	35.552						
	Tổng cộng						35.552						

Người lập báo cáo
(Ký, họ tên)



Ngày 25 tháng 04 năm 2025.

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)


Nguyễn Thị Minh Huệ

Bộ, tỉnh: Thành phố Đà Nẵng
Cơ quan quản lý cấp trên: Văn phòng Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Đà Nẵng
Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường THPT Cẩm Lệ
Mã đơn vị: 1114188
Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

Mẫu số 09b-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC, CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP

Năm 2024

STT	Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Công khai về đất								Công khai về nhà											Ghi chú	
		Diện tích (m2)	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán (Nghìn đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m2)						Năm sử dụng	Tổng diện tích sàn sử dụng (m2)	Giá trị theo sổ kế toán (Nghìn đồng)		Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (lấy theo diện tích sàn sử dụng (m2))								
				Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác			Nguyên giá	Giá trị còn lại	Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác		
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết							Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	
1	Đất khuôn viên trường 844/STC-GCS tại 02 Nguyễn Thế Lịch	20.520	265.528.800		20.470		50															
2	Khối nhà lớp học 3 tầng									2014	536	8.026.478	3.299.422		536							
3	Khối nhà hiệu bộ									2021	725	3.739.361	2.831.621		725							
4	Khối phòng bộ môn, nhà xe.									2013	643	7.192.097	2.623.677		643							
5	Nhà đa năng trường (1012 m2)									2021	1.012	4.851.055	3.686.317		1.012							
	Tổng cộng:	20.520	265.528.800		20.470		50				2.916	23.808.991	12.441.036		2.916							

Người lập báo cáo

(Ký, họ tên)



Ngày 25 tháng 04 năm 2025.

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)



Nguyễn Thị Minh Huệ

Bộ, tỉnh: Thành phố Đà Nẵng
Cơ quan quản lý cấp trên: Văn phòng Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Đà Nẵng
Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường THPT Cẩm Lệ
Mã đơn vị: 1114188
Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

Mẫu số 09c-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG XE Ô TÔ VÀ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH KHÁC
Năm 2024

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1	Tài sản cố định khác		278	13.066.625	13.066.625		4.223.173							
	Năm 2012		90	2.494.268	2.494.268									
1	Bài thí nghiệm chuẩn độ	1	1	36.644	36.644									
2	Máy đếm đo thời gian hiện số Mã 74050	1	1	14.311	14.311									
3	Máy đếm đo thời gian hiện số Mã 74050	1	1	14.311	14.311									
4	Máy chiếu EIKIXBM31	1	1	23.650	23.650									
5	Máy chiếu EIKIXBM31	1	1	23.650	23.650									
6	Máy chiếu EIKIXBM31	1	1	23.650	23.650									
7	Máy chiếu EIKIXBM31	1	1	23.650	23.650									
8	Máy chiếu EIKI XBM31	1	1	23.650	23.650									
9	Kính hiển vi DM 111	1	1	12.224	12.224									
10	Kính hiển vi DM 111	1	1	12.224	12.224									
11	Kính hiển vi DM 111	1	1	12.224	12.224									
12	Kính hiển vi DM 111	1	1	12.224	12.224									
13	Kính hiển vi DM 111	1	1	12.224	12.224									
14	Kính hiển vi DM 111	1	1	12.224	12.224									
15	Kính hiển vi DM 111	1	1	12.224	12.224									
16	Kính hiển vi DM 111	1	1	12.224	12.224									

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngàn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
17	Kính hiển vi DM 111	1	1	12.224	12.224									
18	Kính hiển vi DM 111	1	1	12.224	12.224									
19	Kính hiển vi DM 111	1	1	12.224	12.224									
20	Kính hiển vi DM 111	1	1	12.224	12.224									
21	Máy đo PH, độ dẫn và nhiệt độ-KTS M88955	1	1	14.311	14.311									
22	Kính hiển vi DM 111	1	1	12.224	12.224									
23	Máy khuấy từ và thanh từ M 88955	1	1	20.600	20.600									
24	Máy vi tính Core i3 2100	1	1	9.075	9.075									
25	Valy sinh học M18080	1	1	23.681	23.681									
26	Valy sinh học M18080	1	1	23.681	23.681									
27	Tủ hút	1	1	32.994	32.994									
28	Thiết bị khảo sát định luật Boyle - Mariotte	1	1	17.250	17.250									
29	Thiết bị điều khiển mở rộng 2 công Hiclass V -IK 2200SE	1	1	151.800	151.800									
30	Tăng TSCĐ là bộ âm thanh	1	1	9.647	9.647									
31	Tấm bảng trong bộ cơ sở VicA2	1	1	12.486	12.486									
32	Ổn áp Lioa 20KVA	1	1	10.175	10.175									
33	Nguồn điện, 2 12V AC/DC, 5A Mã 55262	1	1	11.382	11.382									
34	Nguồn điện 12V/5A M 55262	1	1	11.382	11.382									
35	Máy vi tính R5700	1	1	277.200	277.200									
36	Máy vi tính E6600	1	1	7.150	7.150									
37	Máy vi tính E6600	1	1	35.750	35.750									
38	Máy vi tính E660	1	1	14.300	14.300									
39	Máy vi tính E660	1	1	7.150	7.150									
40	Máy vi tính E660	1	1	21.450	21.450									

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
41	Máy vi tính E660	1	1	28.600	28.600									
42	Máy vi tính E660	1	1	35.750	35.750									
43	Máy vi tính E5700	1	1	311.850	311.850									
44	Máy phát âm tần Mã 46565	1	1	51.003	51.003									
45	Kính hiển vi DM 111	1	1	12.224	12.224									
46	Kính hiển vi DM 111	1	1	12.224	12.224									
47	Kính hiển vi DM 111	1	1	12.224	12.224									
48	Bộ thí nghiệm xác định vận tốc âm thanh trong KK	1	1	16.548	16.548									
49	Bộ thí nghiệm xác định hệ số căng của bề mặt của chất lỏng	1	1	7.329	7.329									
50	Bộ thí nghiệm về tĩnh điện biểu diễn	1	1	41.381	41.381									
51	Bộ thí nghiệm thực hành về quang hình trên trục quang học M47600	1	1	66.784	66.784									
52	Bộ thí nghiệm sóng nước biểu diễn	1	1	52.828	52.828									
53	Bộ thí nghiệm quang hình biểu diễn trên bảng từ	1	1	28.108	28.108									
54	Bộ thí nghiệm khảo sát sóng ngang và sóng dọc	1	1	19.778	19.778									
55	Bộ thí nghiệm cơ học biểu diễn trên bảng từ M43085	1	1	37.066	37.066									
56	Kính hiển vi DM 111	1	1	12.224	12.224									
57	Bộ thí nghiệm chứng minh " quá trình nhiệt nhôm" M88555	1	1	26.142	26.142									
58	Bộ thí nghiệm biểu diễn điện hóa M55262	1	1	20.218	20.218									
59	Bộ mô hình lắp ráp phân tử kết hợp M36685	1	1	21.528	21.528									
60	Bộ khuếch đại đường truyền V-IK 288	1	1	15.400	15.400									



STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngàn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
61	Bộ điều chế khí đa năng M89886	1	1	19.590	19.590									
62	Bộ chuyển đổi tín hiệu của bàn điều khiển	1	1	25.300	25.300									
63	Bộ âm thanh hội nghị	1	1	16.665	16.665									
64	Bộ âm thanh chào cờ	1	1	22.567	22.567									
65	Bàn điều khiển giáo viên Hiclass V-IK1800TE	1	1	22.550	22.550									
66	Bài thí nghiệm điện phân muối ăn có màng ngăn	1	1	18.364	18.364									
67	Bộ thiết bị khảo sát lực ly tâm	1	1	63.348	63.348									
68	Bộ tiêu bản dùng cho khối THPT Vic Mip2,4,6	1	1	59.586	59.586									
69	Bộ thí nghiệm cơ học 2: động học và dao động M43108	1	1	51.003	51.003									
70	Cân điện tử 200g,0.01g M42061	1	1	17.616	17.616									
71	Cân điện tử 200g, 0.01g M42061	1	1	17.616	17.616									
72	Kính hiển vi DM 111	1	1	12.224	12.224									
73	Kính hiển vi DM 111	1	1	12.224	12.224									
74	Kính hiển vi DM 111	1	1	12.224	12.224									
75	Kính hiển vi DM 111	1	1	12.224	12.224									
76	Kính hiển vi DM 111	1	1	12.224	12.224									
77	Kính hiển vi DM 111	1	1	12.224	12.224									
78	Kính hiển vi DM 111	1	1	12.224	12.224									
79	Kính hiển vi DM 111	1	1	12.224	12.224									
80	Kính hiển vi DM 111	1	1	12.224	12.224									
81	Đệm không khí	1	1	21.762	21.762									
82	Kính hiển vi DM 111	1	1	12.224	12.224									
83	Kính hiển vi DM 111	1	1	12.224	12.224									
84	Kính hiển vi DM 111	1	1	12.224	12.224									

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
85	Kết sắt Hòa Phát 168kg HĐ số 5591	1	1	7.200	7.200									
86	Kênh sóng nước	1	1	7.582	7.582									
87	Điền kê chứng minh Mã 54875	1	1	21.285	21.285									
88	Đệm nhảy cao 30x180x200	1	1	22.140	22.140									
89	Kính hiển vi DM 111	1	1	12.224	12.224									
90	Cột bóng rổ (bộ/2 cột)	1	1	38.077	38.077									
	Năm 2013		23	1.863.378	1.863.378									
1	Khung cầu môn (2 cái)	1	1	9.000	9.000									
2	Quầy thư viện chữ L bằng gỗ	1	1	11.630	11.630									
3	Salong tiếp khách (HT)	1	1	18.000	18.000									
4	Salong tiếp khách (PHT)	1	1	12.500	12.500									
5	Tủ hồ sơ gỗ 4 ngăn màu đà (HT)	1	1	8.576	8.576									
6	Sửa ngăn phòng làm việc hiệu phó	1	1	7.828	7.828									
7	Ti vi Sony 42 inch	1	1	15.900	15.900									
8	Hệ thống nước sạch tia cực tím	1	1	18.326	18.326									
9	San nền bê tông sân trường	1	1	19.350	19.350									
10	Giường đơn bằng sắt	1	1	5.754	5.754									
11	Bàn ghế làm việc + ghế nệm xoay	1	1	5.980	5.980									
12	Bàn tiếp khách màu vàng + 8 ghế	1	1	15.621	15.621									
13	Bàn thí nghiệm học sinh 4 chỗ ngồi (Sinh)	1	1	53.600	53.600									
14	Bàn thí nghiệm học sinh 4 chỗ ngồi (Hóa)	1	1	53.600	53.600									
15	Bàn làm việc màu đà (PHT)	1	1	14.500	14.500									
16	Bàn làm việc màu đà (PHT)	1	1	14.500	14.500									
17	Bàn làm việc màu đà (PHT)	1	1	14.500	14.500									

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
18	Bàn làm việc màu đá (HT)	1	1	14.500	14.500									
19	Bàn làm việc +ghế nệm xoay	1	1	5.980	5.980									
20	Bàn họp 8 chỗ bằng gỗ màu vàng	1	1	11.446	11.446									
21	Tủ hồ sơ gỗ 4 ngăn màu đá (PHT)	1	1	25.728	25.728									
22	Cửa sắt cầu thang	1	1	7.212	7.212									
23	Tường rào, cổng ngõ	1	1	1.499.347	1.499.347									
	Năm 2014		2	10.900	10.900									
1	Máy Cắt cỏ Honda	1	1	5.100	5.100									
2	Bàn bóng bàn Bình Minh SS97	1	1	5.800	5.800									
	Năm 2015		7	98.591	98.591									
1	Bộ tương tác thông minh U-pointer	1	1	19.700	19.700									
2	Cửa sắt cầu thang	1	1	11.885	11.885									
3	cửa sắt khu cầu thang	1	1	11.885	11.885									
4	Máy chiếu vật thể IPEVOVZ-HD	1	1	11.900	11.900									
5	Rèm cửa	1	1	5.216	5.216									
6	Sơn cửa phòng học	1	1	18.770	18.770									
7	Sửa cổng phía sau	1	1	19.236	19.236									
	Năm 2016		4	133.720	133.720									
1	Máy in HP M402d	1	1	6.700	6.700									
2	Máy photo Shap	1	1	39.900	39.900									
3	Máy vi tính Dell	1	1	19.300	19.300									
4	Thiết bị âm thanh	1	1	67.820	67.820									
	Năm 2017		5	244.581	244.581		6.324							
1	Hệ thống Camera	1	1	95.222	95.222									

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
2	Bảng tương tác thông minh và phần mềm	1	1	19.774	19.774									
3	Cổng phụ của trường	1	1	98.701	98.701		4.935							
4	Bàn bóng bàn	1	1	11.110	11.110		1.389							
5	Bảng tương tác thông minh và phần mềm	1	1	19.774	19.774									
	Năm 2018		31	2.352.189	2.352.189		851.246							
1	Mô hình súng diệt tăng B40 cắt bỏ	1	1	24.000	24.000		7.800							
2	Mô hình súng diệt tăng B41 cắt bỏ	1	1	26.440	26.440		8.593							
3	Mô hình súng tiểu liên AK-47 luyện tập	1	1	182.500	182.500		59.313							
4	Mô hình súng trường CKC cắt bỏ	1	1	29.800	29.800		9.685							
5	Phần mềm E-Learning	1	1	17.000	17.000		10.200							
6	Súng tiểu liên AK hoán cải	1	1	73.000	73.000		23.725							
7	Thiết bị cảm biến môn Hóa	1	1	109.486	109.486		21.897							
8	Thiết bị cảm biến môn Lý	1	1	224.363	224.363		44.873							
9	Thiết bị cảm ứng môn Lý	1	1	24.392	24.392		4.878							
10	Thiết bị tạo giả 7 âm thanh	1	1	15.300	15.300		3.060							
11	Thiết bị theo dõi đường ngắm RDS- 07	1	1	11.900	11.900		2.380							
12	Thiết bị tin học, phần mềm, thiết bị bảo mật phục vụ dạy học	1	1	97.988	97.988		36.746							
13	Tủ đựng súng AK hoán cải	1	1	9.130	9.130		2.967							
14	Thiết bị cảm biến môn Sinh	1	1	129.590	129.590		25.918							
15	Máy vi tính để bàn CMS - Phòng Hiệu trưởng	1	1	9.856	9.856									
16	Hệ thống thiết bị tương tác thông minh U-Pointer 2	1	1	30.550	30.550		6.110							
17	Máy bắn MBT-03. Model HSI/GDQP	1	1	38.500	38.500		7.700							

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
18	Loa kéo	1	1	6.990	6.990									
19	Hệ thống thiết bị tương tác thông minh U-Pointer 2	1	1	30.550	30.550		6.110							
20	Hệ thống thiết bị tương tác thông minh U-Pointer 2	1	1	30.550	30.550		6.110							
21	Hệ thống thiết bị tương tác thông minh U-Pointer 2	1	1	30.550	30.550		6.110							
22	Tủ đựng súng và đựng thiết bị	1	1	9.130	9.130		2.967							
23	Hệ thống thiết bị tương tác thông minh U-Pointer 2	1	1	30.550	30.550		6.110							
24	Hệ thống thiết bị tương tác thông minh U-Pointer 2	1	1	30.550	30.550		6.110							
25	Hệ thống âm thanh học đường	1	1	23.760	23.760									
26	Hệ thống âm thanh học đường	1	1	23.760	23.760									
27	Gia công lắp đặt bảng thông báo	1	1	11.550	11.550		1.444							
28	Camera giám sát	1	1	56.495	56.495									
29	Cải tạo nhà vệ sinh, sân trường	1	1	971.509	971.509		534.330							
30	Máy tính xách tay- phòng CNTT	1	1	11.900	11.900									
31	Hệ thống thiết bị tương tác thông minh U-Pointer 2	1	1	30.550	30.550		6.110							
	Năm 2019		21	802.931	802.931		197.225							
1	Thiết bị cảm biến Hóa học	1	1	109.250	109.250		32.775							
2	Thiết bị cảm biến Lý	1	1	24.357	24.357		10.352							
3	Thiết bị cảm biến Vật Lý	1	1	224.283	224.283		67.285							
4	Máy vi tính để bàn loại I FPT Elead T81TD	1	10	95.700	95.700		21.533							
5	Thiết bị cảm biến Sinh học	1	1	129.245	129.245		38.774							
6	Máy điều hòa phòng Hiệu trưởng	1	1	14.690	14.690		3.673							
7	Hệ thống âm thanh	1	1	99.715	99.715									
8	Mái che di động	1	1	7.800	7.800		2.925							

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
9	Khung cầu môn bóng đá (7 người)	1	1	29.920	29.920		7.480							
10	Khung cầu môn bóng đá (7 người)	1	1	29.920	29.920		7.480							
11	Mái che kéo xếp	1	1	19.800	19.800		4.950							
12	Camera giám sát kỳ thi THPT Quốc gia	1	1	18.251	18.251									
	Năm 2020		6	997.806	997.806		638.303							
1	Điều hòa Nagakawa	1	1	9.686	9.686		4.843							
2	Điều hòa Nagakawa	1	1	9.686	9.686		4.843							
3	Điều hòa Nagakawa	1	1	9.702	9.702		4.851							
4	Cửa cuốn	1	1	19.800	19.800		8.415							
5	Cải tạo sửa chữa sân trường	1	1	939.231	939.231		610.500							
6	Điều hòa Nagakawa	1	1	9.702	9.702		4.851							
	Năm 2021		55	3.424.359	3.424.359		2.121.589							
1	Máy ĐHKK Caper LC-12TL32	PHĐ	1	11.300	11.300		5.650							
2	Thiết bị cảm biến Lý	PBML	1	493.050	493.050		246.525							
3	Thiết bị cảm biến Hóa	PBMH	1	239.170	239.170		119.585							
4	Sân thể thao (3051,8m2)	1	1	1.895.029	1.895.029		1.516.023							
5	Thiết bị cảm biến Sinh	PBMS	1	187.580	187.580		93.790							
6	Máy tính để bàn cho học sinh (CMS X-Media XE2K-886)	CNTT	40	455.981	455.981		91.196							
7	Máy ĐHKK Caper LC-12TL32	PHĐ	1	11.300	11.300		5.650							
8	Phần mềm kế toán misa	VP	1	12.000	12.000		7.200							
9	Máy ĐHKK Caper LC-12TL32	PHĐ	1	11.300	11.300		5.650							
10	Máy chủ để kết nối mạng	CNTT	1	12.510	12.510		2.502							
11	Máy chiếu ViewSonic PA503XB	PH9	1	16.335	16.335		3.267							
12	Máy chiếu ViewSonic PA503XB	PH18	1	12.950	12.950		2.590							
13	Máy chiếu ViewSonic PA503XB	PH8	1	15.495	15.495		3.099							

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh cố tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
14	Máy chiếu H-PEC HC-3819EXL	CNTT	1	21.060	21.060		4.212							
15	Mái che bạt kép xếp	1	1	18.000	18.000		9.000							
16	Máy ĐHKK Caper LC-12TL32	PHĐ	1	11.300	11.300		5.650							
	Năm 2022		4	59.860	59.860		23.944							
1	Máy chiếu ViewSonic PA503XB	PH9	1	16.990	16.990		6.796							
2	Máy chiếu ViewSonic PA503XB	PH16	1	16.990	16.990		6.796							
3	Bộ micro không dây	1	1	10.780	10.780		4.312							
4	Máy chiếu ViewSonic PA503XB	PH17	1	15.100	15.100		6.040							
	Năm 2023		29	548.490	548.490		356.101							
1	Máy tính FPT Elead T210	Phòng thiết bị	1	14.520	14.520		8.712							
2	Máy quay phim Sony FDR-AX43A	Phòng thiết bị lưu	1	19.022	19.022		14.266							
3	Máy tính FPT Elead T210	Phòng thiết bị lưu	1	14.520	14.520		8.712							
4	Máy tính FPT Elead T210	Phòng công đoàn	1	14.520	14.520		8.712							
5	Máy tính FPT Elead T210	Phòng thiết bị lưu	1	14.520	14.520		8.712							
6	Máy tính FPT Elead T210	Phòng thiết bị lưu	1	14.520	14.520		8.712							
7	Thiết bị đo nồng độ oxy hòa tan trong nước DO-910 YinMik	Phòng thực hành sinh học	1	11.260	11.260		8.445							
8	Thiết bị âm thanh đa năng di động HPEC PG-300	Phòng thiết bị lưu	1	14.800	14.800		8.880							
9	Thiết bị âm thanh đa năng di động HPEC PG-300	Phòng thiết bị lưu	1	14.800	14.800		8.880							
10	Thiết bị âm thanh đa năng di động HPEC PG-300 HPEC	phòng TH Ngoại ngữ	1	14.800	14.800		8.880							
11	Thiết bị đo hàm lượng amoni trong nước HI715 Hanna	Phòng thực hành sinh học	1	10.237	10.237		7.678							
12	Máy chiếu HPEC HL-3822IC	Phòng thực hành Hóa Học	1	27.800	27.800		16.680							
13	Máy tính FPT Elead T210	Phòng thiết bị lưu	1	14.520	14.520		8.712							
14	Máy chiếu HPEC HL-3822IC	Bộ môn Mỹ Thuật	1	27.800	27.800		16.680							

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
15	Tủ đựng hóa chất	Phòng thực hành Hóa Học	1	17.914	17.914		13.436							
16	Máy chiếu HPEC HL-3822IC	phòng học 14	1	27.800	27.800		16.680							
17	Máy chiếu HPEC HL-3822IC	Phòng thực hành vật lý	1	27.800	27.800		16.680							
18	Máy chiếu HL-3822IC HPEC	Phòng học 13	1	27.800	27.800		16.680							
19	Máy chiếu HL-3822IC HPEC	phòng học số 07	1	27.800	27.800		16.680							
20	Máy chiếu HL-3822IC HPEC	PHĐ	1	27.800	27.800		16.680							
21	Máy cắt nước 1 lần IBC-DIS-5L/H IBC Co.,LTD	Phòng thực hành Hóa Học	1	12.796	12.796		9.597							
22	Khởi thiết bị điều khiển của giáo viên HPEC LL-6900T HPEC	phòng TH Ngoại ngữ	1	31.500	31.500		23.625							
23	Đệm nhảy cao	Nhà đa năng học giáo dục thể chất	1	17.200	17.200		12.900							
24	Cầu môn, lưới	Nhà đa năng học giáo dục thể chất	1	10.350	10.350		7.763							
25	Cầu môn, lưới	Nhà đa năng học giáo dục thể chất	1	10.350	10.350		7.763							
26	Bộ thí nghiệm thực hành phương pháp nghiên cứu vi sinh vật và sản phẩm ứng dụng	Phòng thực hành sinh học	1	19.621	19.621		14.716							
27	Bộ máy vi tính để bàn FPT Elead T210	phòng TH Ngoại ngữ	1	14.520	14.520		8.712							
28	Bảng led điện tử ma trận	1	1	19.800	19.800		14.850							
29	máy chiếu HPEC HL-3822IC	phòng TH Ngoại ngữ	1	27.800	27.800		16.680							
	Năm 2024		1	35.552	35.552		28.442							
1	Máy photocopy Toshiba e-Studio 2528A	VP	1	35.552	35.552		28.442							
	Tổng cộng		278	13.066.625	13.066.625		4.223.173							

Người lập báo cáo

(Ký, họ tên)



Ngày 25. tháng 04. năm 2025..

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)



Nguyễn Thị Minh Huệ

Bộ, tỉnh: Thành phố Đà Nẵng
Cơ quan quản lý cấp trên: Văn phòng Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Đà Nẵng
Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường THPT Cẩm Lệ
Mã đơn vị: 1114188
Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

Mẫu số 09d-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH XỬ LÝ TÀI SẢN CÔNG
Năm 2024

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền						Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác		Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ		
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
I	Đất															
II	Nhà															
III	Xe ô tô															
IV	Tài sản cố định khác	3.791.933		1.323.880												
1	Bàn bóng bàn	11.110		1.389						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
2	Bàn bóng bàn Bình Minh SS97	5.800								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
3	Bàn ghế làm việc + ghế nệm xoay	5.980								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
4	Bàn họp 8 chỗ bằng gỗ màu vàng	11.446								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
5	Bàn làm việc +ghế nệm xoay	5.980								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
6	Bàn thí nghiệm học sinh 4 chỗ ngồi (Hóa)	53.600								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					



STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền						Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác		Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ		
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
7	Bàn thí nghiệm học sinh 4 chỗ ngồi (Sinh)	53.600								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
8	Bộ thí nghiệm xác định hệ số căng của bề mặt của chất lỏng	7.329								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
9	Bộ tiêu bản dùng cho khối THPT Vic Mip2,4,6	59.586								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
10	Cải tạo nhà vệ sinh, sân trường	971.509		534.330	x											
11	Cải tạo sửa chữa sân trường	939.231		610.500	x											
12	Cửa cuốn	19.800		8.415						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
13	Cửa sắt cầu thang	7.212								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
14	cửa sắt khu cầu thang	11.885								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
15	Đệm nhảy cao 30x180x200	22.140								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
16	Điều hòa Nagakawa	9.702		4.851						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
17	Điều hòa Nagakawa	9.702		4.851						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
18	Điều hòa Nagakawa	9.686		4.843						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
19	Điều hòa Nagakawa	9.686		4.843						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền						Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác		Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ		
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
20	Giường đơn bằng sắt	5.754								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
21	Kênh sóng nước	7.582								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
22	Két sắt Hòa Phát 168kg HD số 5591	7.200								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
23	Khung cầu môn (2 cái)	9.000								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
24	Loa kéo	6.990								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
25	Mái che di động	7.800		2.925						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
26	Máy Cắt cỏ Honda	5.100								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
27	Máy in HP M402d	6.700								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
28	Máy vi tính Core i3 2100	9.075								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
29	Máy vi tính để bàn CMS - Phòng Hiệu trưởng	9.856								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
30	Máy vi tính để bàn loại I FPT Elead T81TD	95.700		21.533						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
31	Máy vi tính E5700	311.850								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền						Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác		Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ		
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
32	Máy vi tính E660	7.150								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
33	Máy vi tính E660	35.750								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
34	Máy vi tính E660	21.450								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
35	Máy vi tính E660	14.300								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
36	Máy vi tính E660	28.600								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
37	Máy vi tính E6600	7.150								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
38	Máy vi tính E6600	35.750								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
39	Máy vi tính R5700	277.200								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
40	Mô hình súng diệt tăng B40 cắt bỏ	24.000		7.800						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
41	Mô hình súng diệt tăng B41 cắt bỏ	26.440		8.593						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
42	Mô hình súng tiểu liên AK-47 luyện tập	182.500		59.313						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
43	Mô hình súng trường CKC cắt bỏ	29.800		9.685						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền						Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác		Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ		
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
44	Rèm cửa	5.216								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
45	San nền bê tông sân trường	19.350								x						
46	Sơn cửa phòng học	18.770								x						
47	Sửa cổng phía sau	19.236								x						
48	Sửa ngăn phòng làm việc hiệu phó	7.828								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
49	Súng tiểu liên AK hoàn cải	73.000		23.725						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
50	Tấm bảng trong bộ cơ sở VicA2	12.486								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
51	Tăng TSCĐ là bộ âm thanh	9.647								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
52	Thiết bị cảm biến Lý	24.357		10.352						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
53	Thiết bị điều khiển mở rộng 2 cổng Hiclass V -IK 2200SE	151.800								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
54	Tủ đựng súng AK hoàn cải	9.130		2.967						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
55	Tủ đựng súng và đựng thiết bị	9.130		2.967						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
56	Tủ hồ sơ gỗ 4 ngăn màu đà (HT)	8.576								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền						Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác		Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ		
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
57	Tủ hồ sơ gỗ 4 ngăn màu đà (PHT)	25.728								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
	Tổng cộng	3.791.933		1.323.880												

Ngày 25 tháng 04 năm 2025.

Người lập báo cáo

(Ký, họ tên)



Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)



Nguyễn Thị Minh Huệ

Bộ, tỉnh: Thành phố Đà Nẵng
Cơ quan quản lý cấp trên: Sở Giáo dục và Đào tạo
Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường THPT Cẩm Lệ
Mã đơn vị: 1114188
Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

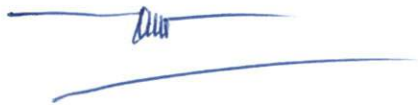
Mẫu số 09đ-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH KHAI THÁC NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH TỪ TÀI SẢN CÔNG
Năm 2024

Số TT	Tên tài sản	Kinh doanh			Cho thuê						Liên doanh, liên kết					
		Số lượng/ diện tích tài sản kinh doanh	Hình thức kinh doanh	Số tiền thu được từ việc kinh doanh tài sản trong năm (Nghìn đồng)	Số lượng/ diện tích tài sản cho thuê	Đơn giá thuê (đồng/tháng)	Tên đơn vị, tổ chức thuê tài sản	Hợp đồng cho thuê tài sản (số...ngày...)	Thời hạn cho thuê (từ...đến...)	Số tiền thu được từ việc cho thuê tài sản trong năm (Nghìn đồng)	Số lượng/ diện tích tài sản liên doanh, liên kết	Đối tác liên doanh, liên kết	Hình thức liên doanh, liên kết	Hợp đồng liên doanh, liên kết (số...ngày...)	Thời hạn liên doanh, liên kết (từ...đến...)	Số tiền thu được từ việc liên doanh, liên kết trong năm (Nghìn đồng)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
I	Đất				50 m2	3.490.000	Hộ kinh doanh YES SUSHI	30/2021/HĐ-THPTCL & 91/HĐ/THPTCL	01/09/2022 đến 31/08/2027	27.920.000						
II	Nhà															
III	Xe ô tô															
IV	Tài sản cố định khác															

Đà Nẵng, ngày 25 tháng 04 năm 2025

Người lập



Lê Nguyễn Phương Trâm

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Thị Minh Huệ